



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 16 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

- + **Bữa sáng:** Cháo tôm pho mai của dền
- + **Bữa trưa:**
- Món mặn: Bún bò huế nạm, chả quết
 - Món canh:
 - Món xào:
 - Phụ trưa: Sữa chua ba vì
- + **Bữa chiều:**
- Ăn xế: Nui tôm thịt cà rốt

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	4,300,000	115	315	4,185,500	114,500
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	11,180,000	115	315	11,294,500	(114,500)
Tổng tiền chợ:	15,480,000			15,480,000	-
Tổng số học sinh đi học:	430				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	16.60				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	7.54				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	9.05				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				4,185,500	
1	Nếp thơm (nếp hương)	kg	3.00	32,000	96,000	
2	Củ dền đỏ	kg	5.00	40,000	200,000	
3	Tôm loại 1	kg	12.70	230,000	2,921,000	
4	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
5	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
6	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
7	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	1.00	82,000	82,000	
9	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
10	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
11	Phomai bò cười (8 miếng/hộp, 36 hộp/thùng)	Hộp	15.00	45,000	675,000	
12	Gạo bồ câu (cỏ may)	kg	6.00	21,000	126,000	
II	Ăn chính + phụ				11,294,500	
1	Hành tây	kg	3.00	25,000	75,000	
2	Thơm không cùi	kg	3.00	34,000	102,000	
3	Thịt vai có da	kg	6.00	130,000	780,000	

4	Tôm loại 1	kg	5.60	230,000	1,288,000	
5	Gừng to	kg	0.30	88,000	26,400	
6	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
7	Ngò gai	kg	0.50	60,000	30,000	
8	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
9	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
10	Ruốc Chì Trà 100gr/ hũ	Hũ	2.00	9,000	18,000	
11	Sả	kg	4.05	24,000	97,200	
12	Nui sao Safoco 500gr (18 gói/thùng)	Gói	15.00	37,000	555,000	
13	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	3.00	82,000	246,000	
14	Thịt bò nạm	kg	13.00	205,000	2,665,000	
15	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
16	Sữa chua ăn cổ đường BaViMilk 70gr (48 hộp/thùng)	Hộp	432.00	5,200	2,246,400	
17	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
18	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	1.00	39,000	39,000	
19	Bún tươi	kg	45.00	12,000	540,000	
20	Xương bò	kg	5.00	95,000	475,000	
21	Cà rốt Hà Nội sơ chế	kg	4.00	32,000	128,000	
22	Chả bò quết	kg	6.00	210,000	1,260,000	
23	Viên bún bò (12 hộp/lốc, 144 hộp/thùng)	Viên	7.00	7,000	49,000	
24	Thịt bò đùi	kg	2.00	270,000	540,000	
25	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
TỔNG CỘNG					15,480,000	

Bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng./.



